|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM**Số: /2024/TT-NHNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

 |  |

**THÔNG TƯ**

**DỰ THẢO**

**Quy định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng**

**là hợp tác xã**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về phân loại tài sản có của* *tổ chức tín dụng là hợp tác xã.*

# Chương I

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về việc phân loại đối với các tài sản có (sau đây gọi tắt là nợ) phát sinh từ các hoạt động sau:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;

d) Trả thay theo cam kết ngoại bảng;

đ) Mua trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;

e) Ủy thác cấp tín dụng;

g) Gửi tiền (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật;

h) Mua chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

2. Ngân hàng hợp tác xã thực hiện phân loại nợ phát sinh từ các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện phân loại nợ phát sinh từ các hoạt động sau:

a) Hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Gửi tiền tại ngân hàng hợp tác xã.

4. Các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán, cam kết cho vay không hủy ngang và các cam kết khác phát sinh rủi ro tín dụng (sau đây gọi chung là cam kết ngoại bảng) phải được phân loại theo quy định tại Thông tư này để quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã, bao gồm:

1. Ngân hàng hợp tác xã;

2. Quỹ tín dụng nhân dân.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng (sau đây gọi tắt là rủi ro) là khả năng xảy ra tổn thất đối với nợ của tổ chức tín dụng là hợp tác xã do khách hàng không trả được hoặc không có khả năng trả được một phần hoặc toàn bộ nợ của mình theo hợp đồng hoặc thỏa thuận (sau đây gọi chung là thỏa thuận) với tổ chức tín dụng là hợp tác xã*.*

2. Khoản nợ là số tiền tổ chức tín dụng là hợp tác xã đã gửi, thanh toán, giải ngân từng lần (đối với trường hợp mỗi lần giải ngân có một thời hạn, kỳ hạn trả nợ khác nhau) hoặc số tiền tổ chức tín dụng là hợp tác xã đã giải ngân theo thỏa thuận (đối với trường hợp nhiều lần giải ngân nhưng có cùng thời hạn, kỳ hạn trả nợ) đối với nợ mà khách hàng chưa hoàn trả.

3. Khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng không trả được đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận với tổ chức tín dụng là hợp tác xã. Đối với khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng sử dụng thẻ không trả được nghĩa vụ trả nợ đến hạn thanh toán của mình theo thỏa thuận phát hành, sử dụng, thanh toán thẻ tín dụng với tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

4. Nợ xấu (NPL) là nợ xấu nội bảng, gồm nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

5. Tỷ lệ nợ xấu là tỷ lệ giữa nợ xấu so với tổng các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 5.

6. Tỷ lệ cấp tín dụng xấu là tỷ lệ giữa tổng của nợ xấu và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm 5 so với tổng các khoản nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5.

7. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ là nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

8. Khách hàng là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức, cá nhân có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân, hộ nghèo có quan hệ vay vốn với quỹ tín dụng nhân dân (đối với quỹ tín dụng nhân dân); quỹ tín dụng nhân dân thành viên, tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân, các chủ thể khác theo quy định của pháp luật dân sự (đối với ngân hàng hợp tác xã) có nghĩa vụ hoặc có thể phát sinh nghĩa vụ trả nợ, thanh toán cho quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã.

## Điều 4. Định kỳ thực hiện phân loại nợ

1. Ít nhất mỗi quý một lần, trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo, tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện phân loại nợ đến thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của quý (tháng) trước.

Riêng đối với quý IV, trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng 12, tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện việc phân loại nợ đến thời điểm cuối ngày 30 tháng 11.

2. Đối với các khoản nợ xấu (NPL), tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải thực hiện việc phân loại nợ, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng trên cơ sở hàng tháng để phục vụ cho công tác quản lý chất lượng và rủi ro tín dụng.

## Điều 5. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

1. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải xây dựng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để hỗ trợ cho việc phân loại nợ, quản lý chất lượng tín dụng phù hợp với phạm vi hoạt động, tình hình thực tế của tổ chức tín dụng là hợp tác xã. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ tối thiểu phải bao gồm:

a) Các cơ sở pháp lý liên quan đến thành lập và ngành nghề kinh doanh của khách hàng;

b) Các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp liên quan đến tình hình kinh doanh, tài chính, tài sản, khả năng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết;

c) Uy tín đối với tổ chức tín dụng đã giao dịch trước đây;

d) Các tiêu chí đánh giá khách hàng chi tiết, cụ thể, có hệ thống (đánh giá yếu tố ngành nghề và địa phương) trên cơ sở đó xếp hạng cụ thể đối với khách hàng.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không bắt buộc áp dụng đối với quỹ tín dụng nhân dân.

3. Ít nhất mỗi năm một lần, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ phải được xem xét, sửa đổi, bổ sung trên cơ sở số liệu, thông tin khách hàng thu thập được trong năm.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, ngân hàng hợp tác xã gửi cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), quỹ tín dụng nhân dân gửi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bằng phương thức trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện hoặc phương tiện điện tử.

# Chương II

# QUY ĐỊNH CỤ THỂ

## Điều 6. Nguyên tắc tự phân loại

1. Toàn bộ dư nợ của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với khách hàng có từ hai (02) khoản nợ trở lên tại tổ chức tín dụng là hợp tác xã mà có bất cứ một khoản nợ nào bị phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này vào nhóm có rủi ro cao hơn các khoản nợ khác, tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải phân loại lại các khoản nợ còn lại của khách hàng vào nhóm có rủi ro cao nhất đó.

2. Đối với các khoản cho vay bằng nguồn vốn tài trợ, uỷ thác của Bên thứ ba mà Bên thứ ba cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm xử lý rủi ro khi xảy ra và các khoản cho vay bằng nguồn vốn góp đồng tài trợ của tổ chức tín dụng khác mà tổ chức tín dụng là hợp tác xã không chịu bất cứ rủi ro nào thì tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải phân loại nợ theo quy định tại Điều 7 Quy định này nhằm đánh giá đúng tình hình tài chính, khả năng trả nợ của khách hàng phục vụ cho công tác quản lý rủi ro tín dụng.

3. Đối với khoản cho vay hợp vốn, tổ chức tín dụng là hợp tác xã làm đầu mối phải thực hiện phân loại nợ đối với khoản cho vay hợp vốn theo các quy định tại Điều 7 Thông tư này và phải thông báo kết quả phân loại nợ cho các tổ chức tín dụng là hợp tác xã tham gia cho vay hợp vốn. Trường hợp khách hàng vay hợp vốn có một hoặc một số các khoản nợ khác tại tổ chức tín dụng là hợp tác xã tham gia cho vay hợp vốn đã phân loại vào nhóm nợ không cùng nhóm nợ của khoản nợ vay hợp vốn do tổ chức tín dụng là hợp tác xã làm đầu mối phân loại, tổ chức tín dụng là hợp tác xã tham gia cho vay hợp vốn phân loại lại toàn bộ dư nợ (kể cả phần dư nợ cho vay hợp vốn) của khách hàng vay hợp vốn vào nhóm nợ do tổ chức tín dụng là hợp tác xã đầu mối phân loại hoặc do tổ chức tín dụng là hợp tác xã tham gia cho vay hợp vốn phân loại tuỳ theo nhóm nợ nào có rủi ro cao hơn.

## Điều 7. Phân loại nợ

1. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện phân loại nợ theo năm (05) nhóm như sau:

a) Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm:

(i) Các khoản nợ trong hạn và tổ chức tín dụng là hợp tác xã đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn;

(ii) Các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và tổ chức tín dụng là hợp tác xã đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn còn lại;

(iii) Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 1 theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nhóm 2 (Nợ cần chú ý) bao gồm:

(i) Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày;

(ii) Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu (đối với khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức thì tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải có hồ sơ đánh giá khách hàng về khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn được điều chỉnh lần đầu);

(iii) Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm:

(i) Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày;

(ii) Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại điểm b khoản này;

(iii) Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng;

(iv) Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 3 Điều này.

d) Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm:

(i) Các khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày;

(ii) Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;

(iii) Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai;

(iv) Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 3 Điều này.

đ) Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm:

(i) Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày;

(ii) Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;

(iii) Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai;

(iv) Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn;

(v) Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý;

(vi) Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã có thể phân loại lại các khoản nợ vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với các khoản nợ quá hạn, tổ chức tín dụng là hợp tác xã phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Khách hàng trả đầy đủ phần nợ gốc và lãi bị quá hạn (kể cả lãi áp dụng đối với nợ gốc quá hạn) và nợ gốc và lãi của các kỳ hạn trả nợ tiếp theo trong thời gian tối thiểu sáu (06) tháng đối với khoản nợ trung và dài hạn, ba (03) tháng đối với các khoản nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn;

(ii) Có tài liệu, hồ sơ chứng minh các nguyên nhân làm khoản nợ bị quá hạn đã được xử lý, khắc phục;

(iii) Tổ chức tín dụng là hợp tác xã có đủ cơ sở (thông tin, tài liệu kèm theo) đánh giá là khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi đúng thời hạn còn lại.

b) Đối với các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, tổ chức tín dụng là hợp tác xã phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Khách hàng trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại trong thời gian tối thiểu sáu (06) tháng đối với các khoản nợ trung và dài hạn, ba (03) tháng đối với các khoản nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn được cơ cấu lại;

(ii) Có tài liệu, hồ sơ chứng minh các nguyên nhân làm khoản nợ phải cơ cấu lại thời hạn trả nợ đã được xử lý, khắc phục;

(iii) Tổ chức tín dụng là hợp tác xã có đủ cơ sở (thông tin, tài liệu kèm theo) để đánh giá là khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi đúng thời hạn đã được cơ cấu lại còn lại.

3. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải chủ động phân loại các khoản nợ được phân loại vào các nhóm theo quy định tại khoản 1 Điều này vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo đánh giá của tổ chức tín dụng là hợp tác xã khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Có những diễn biến bất lợi tác động tiêu cực đến môi trường, lĩnh vực kinh doanh của khách hàng;

b) Các khoản nợ của khách hàng bị các tổ chức tín dụng khác phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn (nếu có thông tin);

c) Các chỉ tiêu tài chính của khách hàng (về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn và dòng tiền) hoặc khả năng trả nợ của khách hàng bị suy giảm liên tục hoặc có biến động lớn theo chiều hướng suy giảm;

d) Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin tài chính theo yêu cầu của tổ chức tín dụng là hợp tác xã để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

## Điều 8. Phân loại cam kết ngoại bảng

Đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng), ngân hàng hợp tác xã phải phân loại vào các nhóm quy định tại Điều 7 Thông tư này như sau:

1. Khi ngân hàng hợp tác xã chưa phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết, ngân hàng hợp tác xã phân loại đối với các khoản cam kết ngoại bảng như sau:

a) Phân loại vào nhóm 1 nếu ngân hàng hợp tác xã đánh giá khách hàng có khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo cam kết;

b) Phân loại vào nhóm 2 trở lên tuỳ theo đánh giá của ngân hàng hợp tác xã nếu ngân hàng hợp tác xã đánh giá khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo cam kết.

2. Khi ngân hàng hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết, ngân hàng hợp tác xã phân loại các khoản trả thay đối với khoản bảo lãnh, các khoản thanh toán đối với chấp nhận thanh toán vào các nhóm nợ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này với số ngày quá hạn được tính ngay từ ngày ngân hàng hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết như sau:

a) Phân loại vào nhóm 3 nếu quá hạn dưới 30 ngày;

b) Phân loại vào nhóm 4 nếu quá hạn từ 30 ngày đến 90 ngày;

c) Phân loại vào nhóm 5 nếu quá hạn từ 91 ngày trở lên.

Ngân hàng hợp tác xã phân loại theo nguyên tắc: các khoản trả thay đối với khoản bảo lãnh, các khoản thanh toán đối với chấp nhận thanh toán vào nhóm nợ có rủi ro tương đương hoặc cao hơn nhóm nợ mà các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán đã được phân loại trước đó theo quy định tại khoản 1 Điều này.

## Điều 9. Báo cáo

Tổ chức tín dụng là hợp tác xã phải báo cáo việc phân loại nợ theo quy định về Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

## Điều 10. Kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm

1. Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với việc thực hiện phân loại nợ của ngân hàng hợp tác xã.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với việc thực hiện phân loại nợ của chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

3. Trường hợp tổ chức tín dụng là hợp tác xã vi phạm Thông tư này, tuỳ theo tính chất và hành vi vi phạm, sẽ bị xử lý như sau :

a) Xử phạt hành chính.

b) Tăng tỷ lệ trích lập dự phòng tương ứng với mức độ rủi ro của các khoản nợ.

c) Hạn chế tín dụng, hạn chế mở rộng mạng lưới và nội dung hoạt động.

d) Đình chỉ hoạt động đối với trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

# Chương III

# ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

## Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Các quy định về phân loại nợ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng;

b) Các quy định về phân loại nợ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân tại Quyết định số [18/2007/QĐ-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/quyet-dinh-18-2007-qd-nhnn-phan-loai-no-trich-lap-du-phong-de-xu-ly-rui-ro-tin-dung-hoat-dong-ngan-hang-to-chuc-tin-dung-sua-doi-493-2005-qd-nhnn-19163.aspx) ngày 25 tháng 4 năm 2007 về việc sửa đổi, bổ sung, một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số [493/2005/QĐ-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/quyet-dinh-493-2005-qd-nhnn-phan-loai-no-trich-lap-su-dung-du-phong-de-xu-ly-rui-ro-tin-dung-trong-hoat-dong-ngan-hang-to-chuc-tin-dung-53338.aspx) ngày 22/4/2005.

## **Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 12;- Ban Lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Cổng thông tin điện tử NHNN;- Lưu: VP, Vụ PC, TTGSNH3. | **THỐNG ĐỐC** |